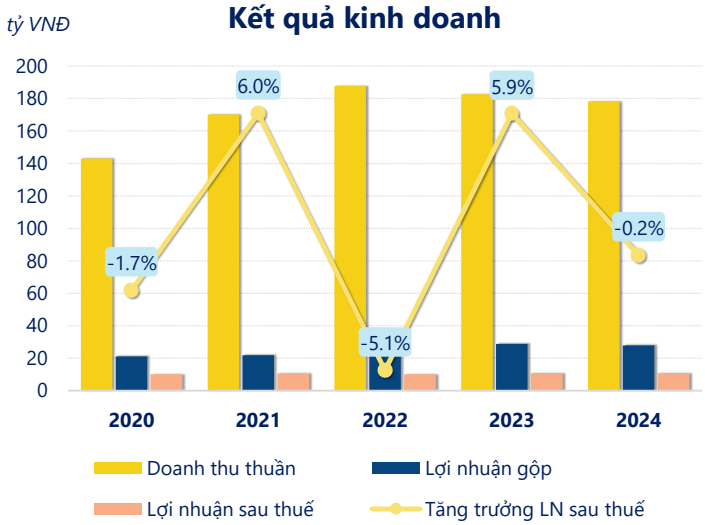
KẾT QUẢ KINH DOANH

Ngày 31/12/2024	3,900 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	0%	0.0%	0.0%

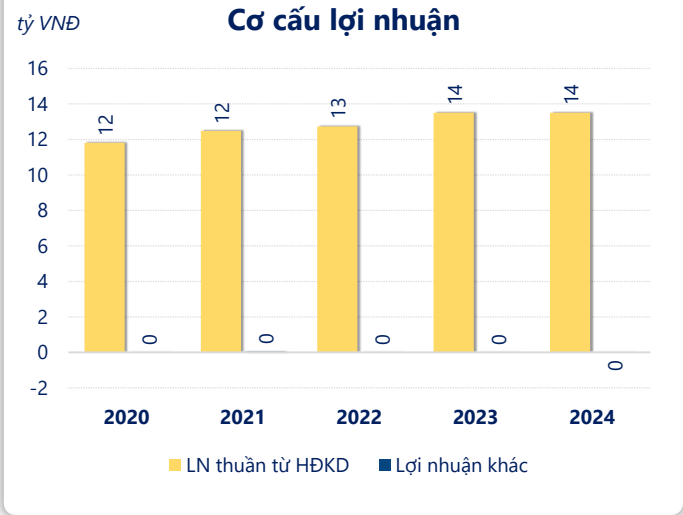
	2024	YoY
DT thuần	178 tỷ VNĐ	▼ 5.00 ▼ 2.4%
LN gộp	27.8 tỷ VNĐ	▼ 1.10 ▼ 3.7%
LN thuần	13.5 tỷ VNĐ	
LN sau thuế	10.8 tỷ VNĐ	
ROE	19.4%	+/- YoY ▼ 0.5%
ROA	12.3%	+/- YoY ▲ 1.0%

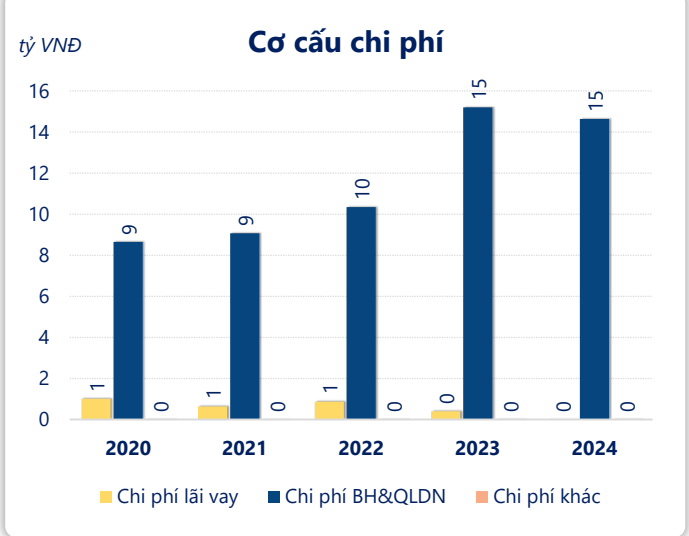




Năm **2024**, **TKA** ghi nhận doanh thu thuần **178.2** tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế **10.79** tỷ đồng, lần lượt **giảm 2.39%** và **giảm 0.16%** so với năm trước.

Công ty đang gặp khó khăn trong việc duy trì và tăng trưởng doanh thu cũng như lợi nhuận so với năm trước. Với mức **ROE** đạt **19.4%** cho thấy tình hình kinh doanh vẫn khá tốt, tuy nhiên cần cải thiện để đạt kết quả tốt hơn.

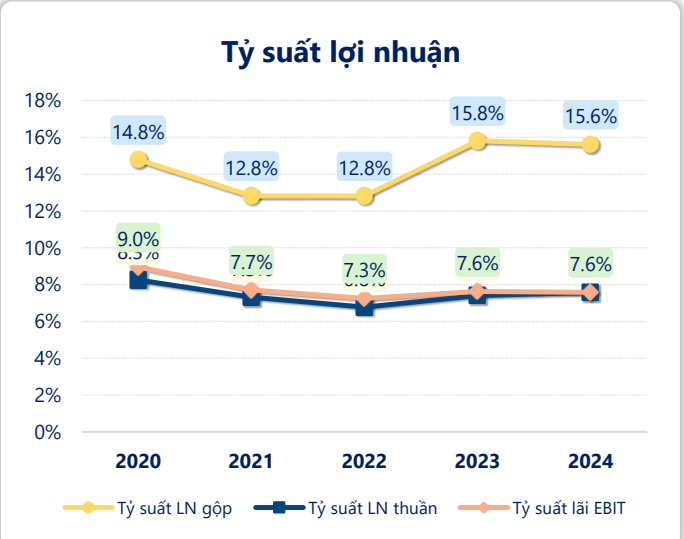


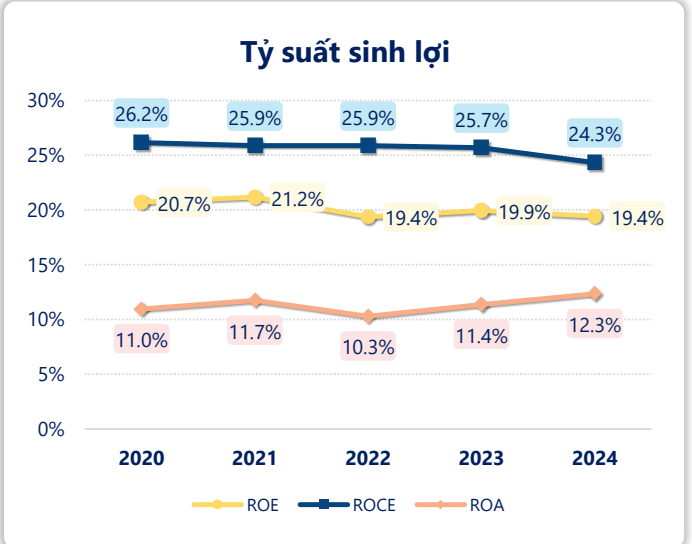


Năm **2024**, **TKA** có **lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh** đạt **13.50** tỷ đồng, **tăng lên 0.00** tỷ so với năm trước. Và cao hơn mức bình quân lợi nhuận thuần 5 năm (12.80 tỷ đồng) là 0.70 tỷ đồng. Cho thấy xu hướng tích cực từ hoạt động kinh doanh khi có sự phục hồi trong những năm gần đây.

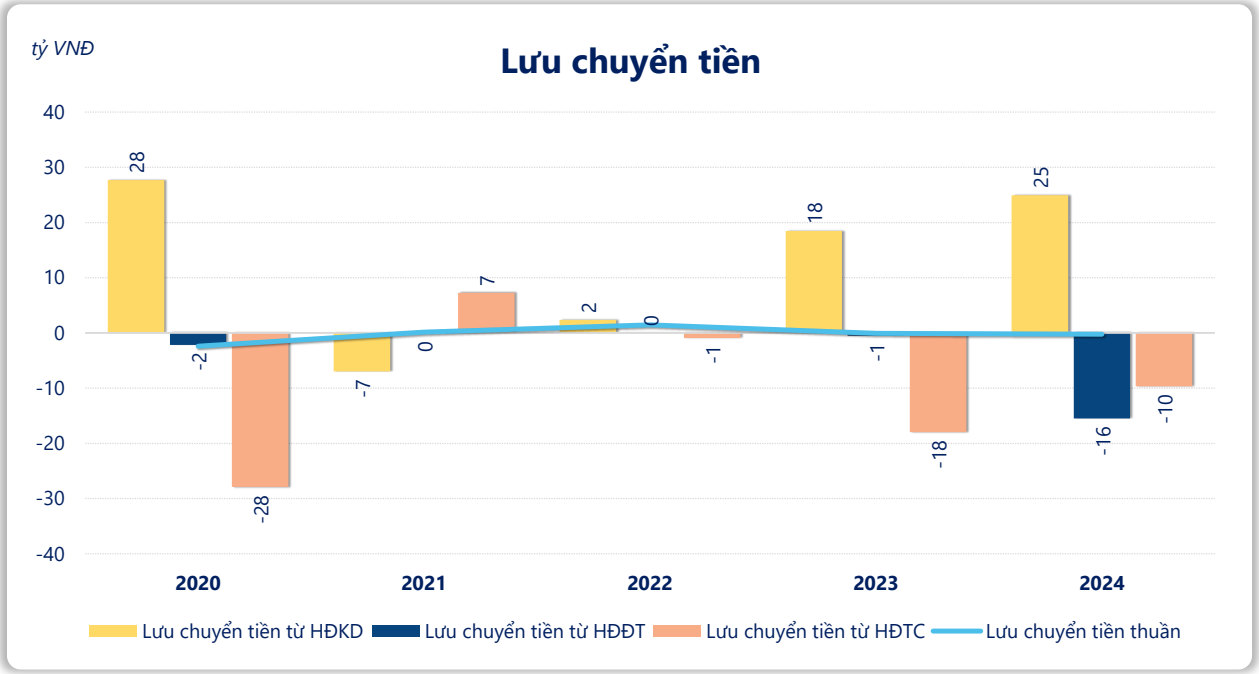
Chi phí lãi vay giảm xuống so với năm trước, còn **0.01** tỷ đồng. Cùng với đó **chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp** cũng **giảm xuống** còn **14.63** tỷ đồng. Bên cạnh đó, **chi phí khác** bằng **0.02** tỷ đồng, **giảm xuống** so với năm trước.

ROE của TKA năm 2024 **giảm** so với năm trước còn **19.4%**, **thấp hơn mức bình quân** trong vòng 5 năm gần đây.





KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	2020	2021	2022	2023	2024
Doanh thu thuần	**143**	**170**	**188**	**183**	**178**
Giá vốn hàng bán	122	148	164	154	150
Lợi nhuận gộp	**21.1**	**21.8**	**24.1**	**28.9**	**27.8**
Doanh thu HĐTC	0.31	0.33	0.11	0.22	0.33
Chi phí TC	1.00	0.63	1.11	0.40	0.01
Chi phí lãi vay	**1.00**	**0.63**	**0.87**	**0.40**	**0.01**
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	4.32	4.99	6.05	7.00	7.14
Chi phí QLDN	4.32	4.07	4.29	8.20	7.50
LN thuần từ HĐKD	**11.8**	**12.5**	**12.7**	**13.5**	**13.5**
Lợi nhuận khác	0.00	0.03	0.02	0.02	0.00
LN trước thuế	**11.8**	**12.5**	**12.8**	**13.5**	**13.5**
Lợi nhuận sau thuế	**10.1**	**10.7**	**10.2**	**10.8**	**10.8**
LNST của CĐ cty mẹ	**10.1**	**10.7**	**10.2**	**10.8**	**10.8**



Lưu chuyển tiền thuần năm 2024 của TKA bằng **-0.25** tỷ đồng, **giảm** so với năm 2023 (-0.05 tỷ đồng). Trong đó, lưu chuyển tiền từ **hoạt động kinh doanh** bằng **24.96** tỷ đồng, từ **hoạt động đầu tư** là **-15.51** tỷ đồng và từ **hoạt động tài chính** là **-9.69** tỷ đồng.